

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam; nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của một tổ chức tín dụng Việt Nam (mã TTHC: 1.001256)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ bổ sung.

+ Bước 3: Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các điều kiện quy định tại các Điều 9, 10 của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của tổ chức nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam**

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

- + Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.
- + Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.
- + Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).
- + Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.
- + Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.
- + Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.
- + Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).
- + Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

b) Đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài;

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025;

+) Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu

tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Bảng liệt kê danh mục.

*** Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam**

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ

trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài;

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN;

+) Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bảng liệt kê danh mục.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời gian giải quyết:** 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

- **Lệ Phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN.

+ Bảng kê khai tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN.

+ Mẫu sơ yếu lý lịch của cá nhân tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN.

- Yêu cầu, điều kiện: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 69/2025/NĐ-CP;

+ Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC SỐ 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có).

- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Mã số SWIFT:

- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức:

- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;
- b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02**BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2014 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam		Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng... (%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ: Ông A (Người khai)				
2.	Ví dụ: Bà B	Vợ			
3.	Ví dụ: Công ty X	Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...			
...					
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

PHỤ LỤC SỐ 03

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:

- Họ và tên thường gọi:

- Bí danh:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi sinh:

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):

- Địa chỉ thường trú:

- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

Ảnh hộ
chiếu (4x6)
(đóng dấu
giáp lai)

2. Trình độ học vấn:

3. Quá trình công tác:

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Chữ ký và họ tên đầy đủ của người
khai**

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm việc;
cơ quan quản lý, theo dõi lý lịch cá
nhân...)

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

1. Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng) dành cho người nước ngoài (mã TTHC: 1.000216)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng lập và gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP;

+ Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2026/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ
VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Số điện thoại..... Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép đăng ký đầu tư số... ngày...
5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số... ngày...tháng....năm..... (nếu có)
6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số... ngày... (nếu có)

II. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:
 - a) Thu ngoại tệ tiền mặt từ việc bán đồng tiền quy ước;
 - b) Thu ngoại tệ tiền mặt từ máy trò chơi điện tử có thưởng có chức năng thu ngoại tệ tiền mặt trực tiếp của người chơi;
 - c) Thu chuyển khoản từ tài khoản ở nước ngoài hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam của người chơi;

d) Chi ngoại tệ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền trả thưởng cho người chơi trúng thưởng;

đ) Chi trả lại ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người chơi mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi không chơi hết đồng tiền quy ước;

e) Chi trả lại ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi sử dụng không hết số ngoại tệ đã chuyển từ nước ngoài vào tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của doanh nghiệp;

g) Các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật bao gồm: mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng ngoại tệ; tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt; xác nhận số tiền trúng thưởng của người chơi.

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ:

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Người đại diện pháp luật của doanh
nghiệp hoặc người được ủy quyền**
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng)

Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn lần thứ: ... ngày ... tháng ... năm (nếu có)

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Xét đề nghị của ... (tên doanh nghiệp) ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác cho ... (tên doanh nghiệp) ... như sau:

1. Tên doanh nghiệp:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Địa chỉ Điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Điều 2. Nội dung thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối

(Tên doanh nghiệp) ... được thực hiện các hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Thu ngoại tệ:

-;
;
2. Chi ngoại tệ:
;
;
3. Các hoạt động ngoại hối khác bao gồm:

4. Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng:

5. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. (Tên doanh nghiệp)... chỉ được thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Điều 2 nêu trên.
2. (Tên doanh nghiệp)... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng, trả thưởng, đổi đồng tiền quy ước cho người chơi làm cơ sở để ngân hàng được phép xác nhận việc mang, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nộp ngoại tệ vào tài khoản.
3. (Tên doanh nghiệp) ... phải thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo đúng quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu quý sau, (tên doanh nghiệp)... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... về tình hình thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác trong quý.

Điều 4. Hiệu lực của Giấy phép

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ... và thay thế Giấy phép số ... ngày ... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (nếu có).
2. Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác của ... (tên doanh nghiệp) ... được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho ... (tên doanh nghiệp)...; 01 bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; 04 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLNH3 (02).

2. Thủ tục cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng) (mã TTHC: 1.010740)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng lập và gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: *Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.*

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng):**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

*** Đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng):**

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP;

+ Văn bản, giấy tờ chứng minh nội dung điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2, Điều 30 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP (nếu có).

*** Đối với trường hợp gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng):**

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 86/2026/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

TÊN DOANH NGHIỆPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP THU, CHI
NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
số:... ngàyVăn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh
trò chơi điện tử có thưởng số.... ngày...(nếu có)Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số...
ngày..... (nếu có)

Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác số.... ngày.....

(Tên doanh nghiệp)...đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại/điều
chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các
nội dung sau:1. Nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác tại Giấy
phép đã được cấp:

a)

b)

.....

2. Nội dung xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

3. Lý do xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

(Tên doanh nghiệp)... xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự
trung thực và chính xác của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo và chấp
hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với
hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các
quy định khác của pháp luật có liên quan.Người đại diện pháp luật của doanh
nghiệp hoặc người được ủy quyền
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng)

Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn lần thứ: ... ngày ... tháng ... năm (nếu có)

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định 16/2017/ND-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Xét đề nghị của ... (tên doanh nghiệp) ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác cho ... (tên doanh nghiệp) ... như sau:

1. Tên doanh nghiệp:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Địa chỉ Điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Điều 2. Nội dung thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối

(Tên doanh nghiệp) ... được thực hiện các hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Thu ngoại tệ:

-
;
2. Chi ngoại tệ:

;
3. Các hoạt động ngoại hối khác bao gồm:

4. Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng:

5. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. (Tên doanh nghiệp)... chỉ được thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Điều 2 nêu trên.
2. (Tên doanh nghiệp)... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng, trả thưởng, đổi đồng tiền quy ước cho người chơi làm cơ sở để ngân hàng được phép xác nhận việc mang, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nộp ngoại tệ vào tài khoản.
3. (Tên doanh nghiệp) ... phải thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo đúng quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu quý sau, (tên doanh nghiệp)... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... về tình hình thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác trong quý.

Điều 4. Hiệu lực của Giấy phép

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ... và thay thế Giấy phép số ... ngày ... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (nếu có).
2. Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác của ... (tên doanh nghiệp) ... được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho ... (tên doanh nghiệp)...; 01 bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; 04 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLNH3 (02).

3. Thủ tục chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) (mã TTHC: 1.000823)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Khi có nhu cầu chuyển đổi văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sang Giấy phép Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Nghị định số 121/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng lập và gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP;

+ Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

+ Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP).

+ Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 86/2026/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 08

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ
CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

(Tên doanh nghiệp) ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Số điện thoại, email liên hệ: Số Fax:

.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

7. Văn bản chấp thuận hoạt động thu chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác số ngày ...

II. Các nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt tại văn bản chấp thuận đã được cấp

1.

2.

.....

III. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

- a) Thu ngoại tệ tiền mặt từ việc bán đồng tiền quy ước;
- b) Thu ngoại tệ tiền mặt từ máy trò chơi điện tử có thưởng có chức năng thu ngoại tệ tiền mặt trực tiếp của người chơi;
- c) Thu chuyển khoản từ tài khoản ở nước ngoài hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam của người chơi;
- d) Chi ngoại tệ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền trả thưởng cho người chơi trúng thưởng;
- đ) Chi trả lại ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người chơi mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi không chơi hết đồng tiền quy ước;
- e) Chi trả lại ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi sử dụng không hết số ngoại tệ đã chuyển từ nước ngoài vào tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của doanh nghiệp;
- g) Các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan bao gồm: mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng ngoại tệ; tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt; xác nhận số tiền trúng thưởng của người chơi.

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ ...

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp)... xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Người đại diện pháp luật của
doanh nghiệp hoặc người được ủy
quyền
(Ký tên và đóng dấu)**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Từ năm ... đến năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

Tên doanh nghiệp:

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Số điện thoại: Số Fax:

.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ...

Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Văn bản chấp thuận hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác số ... ngày ...

1. Tình hình thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài từ năm ... đến năm ... (thời điểm đề nghị chuyển đổi) của (tên doanh nghiệp) ... như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
A. Năm thứ nhất:	
I. Tồn quỹ tiền mặt đầu kỳ (Quý 1 của năm báo cáo)	
II. Tổng thu	
III. Tổng chi	
IV. Tồn quỹ cuối kỳ (Quý IV của năm báo cáo)	
B. Năm thứ hai	
I. Tồn quỹ tiền mặt đầu kỳ	
II. Tổng thu	
III. Tổng chi	

IV. Tồn quỹ cuối kỳ	
C. Năm thứ ba	
D. Năm thứ tư	
Đ. Năm thứ...	

2. Dự kiến kế hoạch thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong 03 năm tiếp theo:

Đơn vị: USD

Năm	Dự kiến thu		Dự kiến chi		Số dư	
	Tiền mặt	Chuyển khoản	Tiền mặt	Chuyển khoản	Tiền mặt	Chuyển khoản
Năm thứ nhất						
Năm thứ hai						
Năm thứ ba						

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP
LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng)

Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn lần thứ: ... ngày ... tháng ... năm (nếu có)

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Xét đề nghị của ... (tên doanh nghiệp) ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác cho ... (tên doanh nghiệp) ... như sau:

1. Tên doanh nghiệp:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Địa chỉ Điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Điều 2. Nội dung thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối

(Tên doanh nghiệp) ... được thực hiện các hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Thu ngoại tệ:

.....
;

2. Chi ngoại tệ:

.....
;

3. Các hoạt động ngoại hối khác bao gồm:

.....

4. Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng:

.....

5. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

.....

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. (Tên doanh nghiệp)... chỉ được thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Điều 2 nêu trên.

2. (Tên doanh nghiệp)... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng, trả thưởng, đổi đồng tiền quy ước cho người chơi làm cơ sở để ngân hàng được phép xác nhận việc mang, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nộp ngoại tệ vào tài khoản.

3. (Tên doanh nghiệp) ... phải thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo đúng quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu quý sau, (tên doanh nghiệp)... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... về tình hình thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác trong quý.

Điều 4. Hiệu lực của Giấy phép

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ... và thay thế Giấy phép số ... ngày ... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (nếu có).

2. Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác của ... (tên doanh nghiệp) ... được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho ... (tên doanh nghiệp)...; 01 bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; 04 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLNH3 (02).

III. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng (mã TTHC: 2.000290)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Công ty thông tin tín dụng lập và nộp hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

✓ **Thành phần:**

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP;

b) Điều lệ của doanh nghiệp (bản sao);

c) Hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng (bản sao);

d) Tài liệu về mức vốn điều lệ (bản sao) gồm: Văn bản chứng minh tương ứng với hình thức góp vốn: Xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về số dư tài khoản đối với tiền mặt; kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác phù hợp với quy định của Luật Giá, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; hoặc báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất so với thời điểm gửi hồ sơ;

đ) Lý lịch của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP;

e) Phiếu lý lịch tư pháp (bản sao) của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát:

e1) Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

e2) Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì công ty thông tin tín dụng phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cá nhân đó không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật Việt Nam;

e3) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm công ty thông tin tín dụng nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin về Phiếu lý lịch tư pháp đã có trên Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

g) Phương án kinh doanh theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP;

h) Văn bản cam kết cung cấp thông tin tín dụng của các tổ chức tham gia theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP;

i) Văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia (bản sao).

✓ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty thông tin tín dụng xin cấp giấy chứng nhận.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận theo mẫu Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)/Văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Lý lịch của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Phương án kinh doanh theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Văn bản cam kết cung cấp thông tin tín dụng của các tổ chức tham gia theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ Văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia theo mẫu số 01 Phụ lục I.14 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:

+ Có tối thiểu 02 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của 01 nhà cung cấp dịch vụ;

+ Có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia;

+ Có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay;

+ Có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin;

+ Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc.

(ii) Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng.

(iii) Có người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng yêu cầu sau đây:

+ Người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 14 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung));

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc Trên đại học và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

+ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

+ Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

+ Thành viên Ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin.

- Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

- Có tối thiểu 15 tổ chức tham gia là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô). Các tổ chức tham gia không có cam kết cung cấp thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng khác.

- Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia theo mẫu số 01 Phụ lục I.14 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục V**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

DOANH NGHIỆP ...(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, doanh nghiệp...(1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên giao dịch (nếu có):
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax, email:

5. Nội dung hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

7. Tài khoản phong tỏa đã mở tại Ngân hàng thương mại chi nhánh

- Số hiệu tài khoản:

- Số vốn đã gửi:

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

Liệt kê các giấy tờ quy định tại

Điều 11 Nghị định này.

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

Phụ lục VI

**MẪU BẢN KÊ DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ LÝ LỊCH TÓM TẮT**
(Kèm theo Nghị định số 133/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

STT	Họ và tên (2)	Chức danh (3)
1		Chủ tịch hội đồng...
2		Thành viên hội đồng...
3		Tổng giám đốc
4		Phó Tổng giám đốc
5		Trưởng Ban kiểm soát
6		Thành viên Ban kiểm soát
...		Các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Đính kèm:

Bản lý lịch tóm tắt của các cá nhân trong danh sách theo hướng dẫn tại Mẫu này.

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tín dụng.
 (2) Danh sách người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm nộp hồ sơ.
 (3) Chức danh của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát tại công ty thông tin tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TÓM TẮT

1. Về bản thân

a) Đối với công dân Việt Nam:

- *Họ và tên*.....
- *Ngày, tháng, năm sinh*.....
- *Số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân*.....
- *Nơi sinh*(4)
- *Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)*(4)
- *Địa chỉ đăng ký thường trú*.....(4)
- *Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú)*(4)
- *Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần)*.....
- *Vợ, chồng; bố mẹ đẻ; con đẻ của người kê khai (Họ và tên, Số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam)).*

Ảnh hộ chiếu
(4x6)

b) Đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam:

- *Họ và tên*.....
- *Ngày, tháng, năm sinh*
- *Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp*.....
- *Nơi sinh*
- *Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)*
- *Địa chỉ đăng ký theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã)*.....

- Nơi ở hiện nay tại Việt Nam (tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã) (nếu có)

- Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê nhưng bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm và bản sao văn bằng, chứng chỉ).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính (kèm tài liệu chứng minh chức vụ và thời gian làm việc phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này).

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại công ty thông tin tin dụng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,, cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thông tin tin dụng... (1)

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

Ghi chú:

- (4) Chỉ yêu cầu người khai cung cấp khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

MẪU PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm...

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, doanh nghiệp (1)... lập Phương án kinh doanh hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty.
2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng).
3. Cơ cấu người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát
 - a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;
 - b) Nhân sự dự kiến của các chức danh của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát.
4. Năng lực quản lý rủi ro
 - a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);
 - b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.
5. Cơ sở hạ tầng thông tin
 - a) Danh mục và bản thuyết minh cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - b) Dự kiến đầu tư tài chính cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - c) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin;
 - d) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hóa cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;
 - đ) Hệ thống dự phòng thảm họa có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của công ty thông tin tín dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất.

6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng

a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;

b) Các sản phẩm dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;

c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng.

7. Khả năng đứng vững và phát triển của công ty trên thị trường

a) Phân tích và đánh giá thị trường thông tin tín dụng (thực trạng, thách thức và triển vọng);

b) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của công ty, trong đó chứng minh được lợi thế của công ty khi tham gia thị trường;

c) Chiến lược của công ty trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các sản phẩm thông tin tín dụng (phân tích rõ các sản phẩm dự kiến công ty sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

8. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, việc bảo toàn vốn điều lệ, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện kế hoạch trong từng năm.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

- Các giấy tờ tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh.

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tín dụng.
- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VIII**MẪU CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.... ngày... tháng... năm...

CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, (tên tổ chức tham gia) cam kết:

1. Không phải là tổ chức tham gia của các công ty thông tin tín dụng khác tính đến thời điểm ký cam kết.

2. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia ...) cho (tên công ty thông tin tín dụng ...) theo văn bản thoả thuận số.... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi (tên công ty thông tin tín dụng ...) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

3. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia ...) cho các công ty thông tin tín dụng khác.

4. Cam kết cung cấp thông tin này hết hiệu lực trong trường hợp (tên công ty thông tin tín dụng ...) không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc công ty thông tin tín dụng chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thoả thuận giữa các bên.

(Tên tổ chức tham gia ...) cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thoả thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
 CỦA TỔ CHỨC THAM GIA**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ngoài những nội dung tối thiểu trên, tổ chức tham gia có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết

Phụ lục IX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Công ty thông tin tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Giấy chứng nhận) phải:

- 1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận trong suốt thời gian hoạt động và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.*
- 2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận.*
- 4. Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác.*
- 5. Đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận này. Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận này (nếu có).*
- 6. Nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng hoặc khi có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.*
- 7. Giấy chứng nhận này tự động hết hiệu lực khi công ty thông tin tín dụng bị phá sản theo quy định pháp luật./.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Cấp lần đầu số, ngày ... tháng ... năm ...

Cấp lại lần thứ ..., ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) ⁽¹⁾

Số: .../NHNN-GCN

- Trang 4 -	- Trang 1 -
NGÂN HÀNG NHÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NƯỚC VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có); Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...; Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng. CHỨNG NHẬN: 1. Tên công ty thông tin tín dụng: Tên đối ngoại (nếu có): Tên viết tắt (nếu có): 2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do... cấp ngày... 3. Vốn điều lệ: (bằng chữ) 4. Nơi đặt trụ sở chính:	ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này theo quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... ngày ... ⁽²⁾ (với trường hợp cấp lại). Giấy chứng nhận này được lập thành 03 bản gốc; 01 bản cho (tên doanh nghiệp); 02 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày... tháng ... năm ... THÔNG ĐỐC (Ký tên và đóng dấu) Ghi chú: Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quy định tại Điều 12 Nghị định này, Giấy chứng nhận bổ sung thêm các thông tin sau: (1): Cấp lại lần thứ (N ≥ 1) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu tiên.

5. Người đại diện theo pháp luật:; chức danh Quốc tịch: số CMND/CCCD/hộ chiếu: - Trang 2 -	(2): Thông tin Giấy chứng nhận lần đầu tiên hoặc Giấy chứng nhận cấp lại lần thứ N-1 so với điểm (1). - Trang 3 -
---	---

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

**VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN,
SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, công ty thông tin tín dụng và tổ chức tham gia cùng thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng với những nội dung tối thiểu như sau (02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật):

1. Thông tin về các bên:**1.1. Công ty thông tin tín dụng:...****1.2. Tổ chức tham gia:...****2. Nội dung thỏa thuận gồm:****2.1. Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp.**

2.2. Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng.

2.3. Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2.4. Nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay.

2.5. Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng.

2.6. Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng.

2.7. Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng vay.

2.8. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp.

2.9. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận.

2.10. Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng./.

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng (mã TTHC: 1.010045)

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng, Công ty thông tin tín dụng lập và nộp hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

- *Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP.*

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

✓ Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X;

- Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất).

✓ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty thông tin tín dụng xin cấp lại Giấy chứng nhận.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo phụ lục X.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP;

+ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Phụ lục IX**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)***NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH**

Công ty thông tin tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Giấy chứng nhận) phải:

- 1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận trong suốt thời gian hoạt động và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.*
- 2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận.*
- 4. Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác.*
- 5. Đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận này. Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận này (nếu có).*
- 6. Nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng hoặc khi có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.*
- 7. Giấy chứng nhận này tự động hết hiệu lực khi công ty thông tin tín dụng bị phá sản theo quy định pháp luật./*

- Trang 4 -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ
THÔNG TIN TÍN DỤNG

Cấp lần đầu số, ngày ... tháng ... năm ...

Cấp lại lần thứ ..., ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) ⁽¹⁾

Số: .../NHNN-GCN

	- Trang 1 -
NGÂN HÀNG NHÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NƯỚC VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có); Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...; Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng. CHỨNG NHẬN: 1. Tên công ty thông tin tín dụng: Tên đối ngoại (nếu có): Tên viết tắt (nếu có): 2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do... cấp ngày... 3. Vốn điều lệ: (bằng chữ) 4. Nơi đặt trụ sở chính: 5. Người đại diện theo pháp luật:; chức danh Quốc tịch: số CMND/CCCD/hộ chiếu:	ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này theo quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... ngày ... ⁽²⁾ (với trường hợp cấp lại). Giấy chứng nhận này được lập thành 03 bản gốc; 01 bản cho (tên doanh nghiệp); 02 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày... tháng ... năm ... THÔNG ĐỐC (Ký tên và đóng dấu) Ghi chú: Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quy định tại Điều 12 Nghị định này, Giấy chứng nhận bổ sung thêm các thông tin sau: (1): Cấp lại lần thứ ($N \geq 1$) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu tiên. (2): Thông tin Giấy chứng nhận lần đầu tiên hoặc Giấy chứng nhận cấp lại lần thứ $N-1$ so với điểm (1).

- Trang 2 -	- Trang 3 -
-------------	-------------

Phụ lục X

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG
TIN TÍN DỤNG**

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

**DOANH NGHIỆP ...(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, Công ty thông tin tín dụng....⁽¹⁾ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp lại/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... cấp lần đầu ngày tháng ... năm ... (số ... cấp lại lần thứ ... ngày ... tháng ... năm...).
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:
7. Cam kết trước pháp luật

- Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tín dụng.

3. Thủ tục thay đổi nội dung¹ Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Mã TTHC: 1.001157)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

+ *Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.*

2. Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

✓ Thành phần:

- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (bản chính);

- Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với từng điều kiện quy định tại Nghị định này (bản sao).

✓ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.**

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty thông tin tín dụng xin thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

¹Bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Vốn điều lệ; Nơi đặt trụ sở chính; Người đại diện theo pháp luật.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận/Văn bản từ chối

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo phụ lục số XI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục X**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG
TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)***DOANH NGHIỆP ...(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, Công ty thông tin tín dụng....⁽¹⁾ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp lại/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... cấp lần đầu ngày tháng ... năm ... (số ... cấp lại lần thứ ... ngày ... tháng ... năm...).
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:
7. Cam kết trước pháp luật
 - Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của

pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

Phụ lục XI

**MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI NỘI DUNG TẠI GIẤY
CHỨNG NHẬN**

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi nội dung về ...(1)... của Công ty thông tin tín dụng ...(2)...

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi một số nội dung tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (2)... (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận)

1. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

2. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (2)...

Điều 3. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

Điều ... (3) ...

Điều ... Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(2)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THÔNG ĐỌC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều;
- BLD NHNN;
- Lưu: VP,.....

Ghi chú:

(1) Nội dung đề nghị thay đổi.

(2) Tên công ty thông tin tín dụng.

(3) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN

1. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (mã TTHC:1.000756)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

+ **Bước 2:** Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại điểm 9 Mục 2 Phụ lục I.7 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026, cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.

Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được tự gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tối đa 02 lần; thời gian nộp hồ sơ tự bổ sung, hoàn thiện của tổ chức tối đa không vượt quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

- + Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- + Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc thông qua Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

c) Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

đ) Hồ sơ về nhân sự: sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP, bản sao hoặc bản sao điện tử các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc); phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin về Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã có trên Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

e) Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức; Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

g) Văn bản cam kết và tài liệu chứng minh của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ;

h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP; văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia, có nội dung cam kết không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử; tài liệu chứng minh cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống máy chủ đáp ứng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

i) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 06 đĩa CD (hoặc 06 USB) lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản I.1 Phần D Mục I Phụ lục I.7 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026

- **Thời gian giải quyết:** 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** 10.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP;

+ Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP;

+ Sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP;

+ Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau:

a) *Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;*

b) Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử;

c) *Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật;*

d) Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

đ) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức;

e) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d nêu trên, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; có cơ sở hạ tầng

thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày.

Tổ chức tham gia không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử;

g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của.....(1).....số..... ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... được cấp bởi..... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.

5. Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép:

.....

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; không sao chép, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tối thiểu phải có các nội dung sau:

STT	Nội dung	Tiêu chí cụ thể
1	Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.	- Tên tổ chức. - Quá trình hình thành và phát triển. - Các ngành, nghề kinh doanh. - Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi được cấp Giấy phép. - Các nội dung liên quan khác (nếu có).
2	Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép	- Tên dịch vụ. - Phạm vi cung ứng. - Đối tượng khách hàng. - Điều kiện sử dụng. - Sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ. - Quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ.
3	Cơ chế mở, duy trì số dư tài khoản đảm bảo thanh toán, mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử	- Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ ví điện tử. - Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử. - Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử theo quy định của pháp luật.

4	Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ	- Xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ tuân thủ quy định pháp luật.
5	Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ	- Xây dựng quy định nội bộ về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, trong đó có các nội dung bao gồm: Mục đích, yêu cầu; trình tự thực hiện; trách nhiệm của bộ phận liên quan.
6	Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật	- Quy định quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN trong hoạt động ngân hàng điện tử. - Quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. - Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. - Xây dựng quy trình nội bộ về chính sách, biện pháp xử lý rủi ro cụ thể.
7	Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	- Các nguyên tắc chung về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. - Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
8	Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp	- Quy định về việc giải quyết hoặc trả lời các khiếu nại, tra soát của khách hàng, trong đó thể hiện rõ: Các kênh tiếp nhận, bộ phận tiếp nhận, các bước hướng dẫn khách hàng khiếu nại, khâu xử lý khiếu nại trong nội bộ tổ chức trung gian thanh toán và khi phải phối hợp với các đơn vị liên quan. - Quy trình, thủ tục, trách nhiệm cụ thể của từng bên liên quan, thời gian thực hiện từng bước và kết quả trả lại cho khách hàng khiếu nại.

9	Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, bù trừ điện tử, chuyển mạch tài chính quốc tế	- Tổ chức thực hiện quyết toán. - Phạm vi quyết toán. - Điều kiện thực hiện quyết toán. - Đồng tiền quyết toán; tỷ giá áp dụng (nếu có). - Tài khoản quyết toán. - Quy trình quyết toán: Thời gian quyết toán, sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện quyết toán, giải quyết tranh chấp, phí, các biện pháp nhận diện, phòng ngừa, xử lý rủi ro trong quá trình quyết toán (bao gồm rủi ro quyết toán các nghĩa vụ tài chính khi các bên tham gia mất khả năng thanh toán). - Quyền và trách nhiệm các thành viên và các bên liên quan. - Mối liên hệ với các hệ thống thanh toán khác (nếu có).
---	---	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH ⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên đầy đủ:
- Ngày, tháng, năm sinh*:
- Quốc tịch/các quốc tịch (nếu có)*:
- Nơi thường trú*:

Ảnh hộ chiếu
(4 x 6cm)

- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác với nơi đăng ký thường trú):
- Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng minh cá nhân hợp pháp khác:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông:
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp):

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú

- Khen thưởng, kỷ luật:

4. Năng lực hành vi dân sự ⁽⁵⁾

5. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này)

6. Quan hệ nhân thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột)

7. Tôi (họ và tên của người kê khai sơ yếu lý lịch) xin cam kết:

- Đáp ứng điều kiện để giữ chức danh... tại ... (tên Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán).

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

**XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC**

..., ngày... tháng... năm....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp NHNN có thể truy cập, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người khai là công dân Việt Nam thì không bắt buộc phải kê khai các thông tin đánh dấu (*).

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-NHNN

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP

Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Xét Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... và Hồ sơ đính kèm của ...(1)...;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho:

1. Tên tổ chức: ...(1)...

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt/tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tên giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính:

Điều 2. (Các) dịch vụ trung gian thanh toán được cấp/cấp lại Giấy phép:

Điều 3. (Các) điều khoản khác:

Điều 4. Trong quá trình cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán, ...(1)... phải tuân thủ quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có thời hạn hoạt động 10 năm kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép quy định tại Điều 24 Nghị định này).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(1)... *(đối với trường hợp cấp lại Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này)*.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, có thời hạn đến ngày... tháng... năm... và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(1)... *(đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này)*.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Cục CNTT, Vụ PC (để phối hợp);
- CQTTGSNH (để phối hợp);
- Sở Giao dịch (để phối hợp);
- NHNN chi nhánh (để phối hợp);
- Lưu:

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đề nghị cấp hoặc cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (mã TTHC: 1.002031)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Căn cứ vào hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép, hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo Giấy phép kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tới Ngân hàng Nhà nước.

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác, hồ sơ gồm: đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép: 03 bộ hồ sơ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính); Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác: 01 bộ hồ sơ.

- Thời gian giải quyết:

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép: *22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.*

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** 5.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

TÊN TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG GIAN THANH TOÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng.... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp số... ngày... tháng... năm...

6. Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Hết thời hạn Giấy phép.

☐ Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác.

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép vì hết thời hạn Giấy phép, Tổ chức cung cấp tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện cung ứng dịch vụ trung

gian thanh toán đã được cấp Giấy phép tại thời điểm gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và Hồ sơ đính kèm (nếu có). Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-NHNN

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP

Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Xét Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... và Hồ sơ đính kèm của ... (1)...

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho:

1. Tên tổ chức: ...(1)...

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt/tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tên giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính:

Điều 2. (Các) dịch vụ trung gian thanh toán được cấp/cấp lại Giấy phép:

Điều 3. (Các) điều khoản khác:

Điều 4. Trong quá trình cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán, ...(1)... phải tuân thủ quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có thời hạn hoạt động 10 năm kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép quy định tại Điều 24 Nghị định này).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(1)... *(đối với trường hợp cấp lại Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này)*.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, có thời hạn đến ngày... tháng... năm... và thay thế Giấy phép số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(1)... *(đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này)*.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Cục CNTT, Vụ PC (để phối hợp);
- CQTGGSNH (để phối hợp);
- Sở Giao dịch (để phối hợp);
- NHNN chi nhánh (để phối hợp);
- Lưu:

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đề nghị cấp hoặc cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (mã TTHC: 1.012519)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi tên doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

+ Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp đề nghị kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế bổ sung thêm các tài liệu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 24 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (theo mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

+ Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

TÊN TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của ...(1)... thống nhất về việc thay đổi tên tổ chức/địa điểm đặt trụ sở chính/ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép/kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Giấy phép số... ngày... tháng... năm...;

Căn cứ Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm... được cấp lần thứ... bởi...;

Căn cứ lý do khác (nếu có)

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

4. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Thay đổi tên tổ chức

Tên Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

☐ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

Địa điểm đặt trụ sở chính thay đổi:

☐ Ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

- Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán ngừng cung ứng:
- Thời gian dự kiến ngừng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

☐ Kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Đối với trường hợp ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, chúng tôi cam kết đã hoàn thành việc xử lý nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tối thiểu phải có các nội dung sau:

STT	Nội dung	Tiêu chí cụ thể
1	Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.	- Tên tổ chức. - Quá trình hình thành và phát triển. - Các ngành, nghề kinh doanh. - Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi được cấp Giấy phép. - Các nội dung liên quan khác (nếu có).
2	Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép	- Tên dịch vụ. - Phạm vi cung ứng. - Đối tượng khách hàng. - Điều kiện sử dụng. - Sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ. - Quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ.
3	Cơ chế mở, duy trì số dư tài khoản đảm bảo thanh toán, mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử	- Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ ví điện tử. - Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử. - Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử theo quy định của pháp luật.
4	Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ	- Xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ tuân thủ quy định pháp luật.
5	Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ	- Xây dựng quy định nội bộ về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, trong đó có các nội dung bao gồm: Mục đích, yêu cầu; trình tự thực hiện; trách nhiệm của bộ phận liên quan.

6	Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật	- Quy định quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN trong hoạt động ngân hàng điện tử. - Quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. - Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. - Xây dựng quy trình nội bộ về chính sách, biện pháp xử lý rủi ro cụ thể.
7	Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	- Các nguyên tắc chung về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. - Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
8	Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp	- Quy định về việc giải quyết hoặc trả lời các khiếu nại, tra soát của khách hàng, trong đó thể hiện rõ: Các kênh tiếp nhận, bộ phận tiếp nhận, các bước hướng dẫn khách hàng khiếu nại, khâu xử lý khiếu nại trong nội bộ tổ chức trung gian thanh toán và khi phải phối hợp với các đơn vị liên quan. - Quy trình, thủ tục, trách nhiệm cụ thể của từng bên liên quan, thời gian thực hiện từng bước và kết quả trả lại cho khách hàng khiếu nại.
9	Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, bù trừ điện tử, chuyển mạch tài chính quốc tế	- Tổ chức thực hiện quyết toán. - Phạm vi quyết toán. - Điều kiện thực hiện quyết toán. - Đồng tiền quyết toán; tỷ giá áp dụng (nếu có). - Tài khoản quyết toán. - Quy trình quyết toán: Thời gian quyết toán, sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện quyết toán, giải quyết tranh chấp, phí, các biện pháp nhận diện, phòng ngừa, xử lý rủi ro trong quá trình quyết toán (bao gồm rủi ro quyết toán các nghĩa vụ).

		vụ tài chính khi các bên tham gia mất khả năng thanh toán). - Quyền và trách nhiệm các thành viên và các bên liên quan. - Mối liên hệ với các hệ thống thanh toán khác (nếu có).
--	--	--

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-NHNN

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của...(1)...

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Xét Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... và Hồ sơ đính kèm (nếu có) của...(1)....;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 và/hoặc Điều 2 Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho...(1)...., như sau:

...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho...(1)...

Điều 3. ...(1)... phải:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

2. Gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (*trường hợp tổ chức đề nghị ngừng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán*).

Điều 4. (Nội dung...nêu tại) Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt

động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của.. (1)... hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (nếu có).

Điều 5. ...

Điều 6. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Người đại diện theo pháp luật của...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Cục CNTT, Vụ PC (để phối hợp);
- CQTTGSNH (để phối hợp);
- Sở Giao dịch (để phối hợp);
- NHNN chi nhánh (để phối hợp);
- Vụ Truyền thông (để công bố);
- Lưu:

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4. Thủ tục chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (mã TTHC: 1.012516)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ (trừ trường hợp có lý do xác đáng) thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời từ chối và trả hồ sơ cho tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

+ Nghị quyết của Hội đồng thành viên, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc thông qua Bản thuyết minh điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

+ Bản thuyết minh các điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

+ Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

+ Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính).
- **Thời gian giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/không chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.
- **Lệ phí:** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định 52/2024/NĐ-CP.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

a) Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục;

b) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh,

luật, công nghệ thông tin, kế toán, kiểm toán, bưu chính, viễn thông hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

c) Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan;

d) Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG QUA
TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Dại hội đồng cổ đông của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

(Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.
5. Tên, nội dung (các) dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đề nghị cung ứng:
 - ...
 - ...
 - ...

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản có liên quan. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

5. Thủ tục gia hạn văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (mã TTHC: 1.012517)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng hết thời hạn, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận gia hạn.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

+ Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị.

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính)

- **Thời gian giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/không chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (gia hạn).

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

**DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG QUA
TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

(Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.
5. Tên, nội dung (các) dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đề nghị cung ứng:
 - ...
 - ...
 - ...

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản có liên quan. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

6. Thủ tục đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với giải pháp chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API) (mã TTHC: 1.013688)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi lại hồ sơ hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

+ Bước 3: Trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ nếu cần thiết.

Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.

Trường hợp cần tiến hành kiểm tra tại chỗ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị các bộ liên quan cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra tại chỗ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra tại chỗ.

Việc kiểm tra tại chỗ phải được thông báo cho tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm ít nhất 05 ngày trước khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở làm việc của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ 01 lần.

Sau thời hạn 40 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi lại văn bản giải trình, hoàn thiện hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.

+ Bước 4: Sau khi thời gian thẩm định kết thúc, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm có hồ sơ đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 94/2025/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP đối với Công ty Fintech.

2. Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành khi triển khai giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm.

3. Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ về việc thông qua Đề án mô tả giải pháp Fintech đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

4. Đề án mô tả giải pháp Fintech đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm, trong đó thể hiện mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (Demo); nhóm khách hàng tiềm năng; việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 8 được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP.

5. Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: Thời gian, không gian và phạm vi dự kiến thử nghiệm; kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm; nguồn lực tham gia thử nghiệm; nguyên tắc trao đổi, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn thử nghiệm; việc chấm dứt thử nghiệm đảm bảo tính khả thi để hoàn tất các nghĩa vụ trong thời hạn tối đa 06 tháng sau thời điểm có quyết định dừng thử nghiệm.

6. Hồ sơ về nhân sự: Bản khai lý lịch (trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng) bản sao hoặc bản sao điện tử các văn bằng chứng minh năng lực, trình

độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc).

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

7. Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu chứng minh tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ và 06 đĩa CD (hoặc 06 USB) lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm

- Thời gian giải quyết: 80 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty Fintech.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc Văn bản từ chối.

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP đối với Công ty Fintech.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tổ chức tín dụng không thuộc nhóm tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo Luật Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi giải pháp Fintech đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 94/2025/NĐ-CP như sau:

+ Là giải pháp có nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ mà quy định pháp lý hiện hành chưa hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng;

+ Là giải pháp có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính;

+ Là giải pháp đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực tới hệ thống ngân hàng và hoạt động ngân hàng - tiền tệ - ngoại hối; đã xây dựng phương án về xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm; đã xây dựng phương án bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

+ Là giải pháp đã được tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

+ Là giải pháp có tính khả thi để có thể cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

- Công ty Fintech được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi giải pháp Fintech đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 94/2025/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 94/2025/NĐ-CP như sau:

+ Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

+ Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Nghị định số 94/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Áp dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký thử nghiệm giải pháp Fintech quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định 94/2025/NĐ-CP).

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
 THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT
 TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của(1)..... số ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập và hoạt động:

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Tên (các) giải pháp Fintech tham gia Cơ chế thử nghiệm:...(2)...

6. Cam kết của tổ chức đề nghị.

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn, Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm; không sao chép, giả mạo các giấy tờ chứng minh việc đáp ứng các tiêu chí trong Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ gửi kèm:

1. Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành đối với giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm;
2. Đề án mô tả giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm.
3. Kế hoạch thử nghiệm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ...(1)... là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị
...(2)... Các giải pháp Fintech được tham gia Cơ chế thử nghiệm quy định tại
điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Áp dụng cho Công ty Fintech đăng ký thử nghiệm giải pháp Fintech quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định 94/2025/NĐ-CP).

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT
TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của(1)..... số ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số được cấp bởi ... ngày.... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Người đại diện theo pháp luật: ...(2)...

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Giải pháp Fintech tham gia Cơ chế thử nghiệm: ...(3)...

7. Cam kết của tổ chức đề nghị.

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn, Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm; không sao chép, giả mạo các giấy tờ chứng minh việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ gửi kèm:

1. Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm được thành lập và hoạt động hợp pháp;
2. Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành đối với giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm;
3. Đề án mô tả giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm;
4. Kế hoạch thử nghiệm;
5. Hồ sơ về nhân sự;
6. Các tài liệu chứng minh khác.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ...(1)... Công ty Fintech đề nghị

...(2)...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê hết.

...(3)...: Các giải pháp Fintech được tham gia Cơ chế thử nghiệm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định.

7. Thủ tục đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm (mã TTHC: 1.013690)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức gửi Ngân hàng Nhà nước Đơn đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP và Đề án mô tả giải pháp thử nghiệm sau khi điều chỉnh.

+ Bước 2: Trong vòng *25 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá quá trình thử nghiệm.

Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ 01 lần. Sau thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

+ Bước 3: Căn cứ Đề án mô tả giải pháp thử nghiệm sau khi điều chỉnh, tình hình giám sát thực tế và ý kiến góp ý, nhận xét của các bộ liên quan (nếu có), Ngân hàng Nhà nước quyết định việc điều chỉnh giải pháp thử nghiệm hoặc từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

+ Đề án mô tả giải pháp thử nghiệm sau khi điều chỉnh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** *25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm.*

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định điều chỉnh giải pháp thử nghiệm hoặc Văn bản từ chối điều chỉnh giải pháp thử nghiệm.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định số 94/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 05. Đơn đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm**TÊN TỔ CHỨC
THAM GIA THỬ NGHIỆM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢI PHÁP THỬ NGHIỆM**Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của ...(1)... thống nhất về việc điều chỉnh giải pháp;

Căn cứ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

...(1)... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép điều chỉnh giải pháp thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

- Tên tổ chức:
- Địa điểm đặt trụ sở chính:
- Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... được cấp bởi ... ngày tháng ... năm ...
- Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày ... tháng ... năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ tình hình cung ứng giải pháp thử nghiệm, ...(1)... đề xuất Ngân hàng Nhà nước cho phép điều chỉnh giải pháp thử nghiệm với các nội dung sau: ...(2)... (*Chi tiết tại Đề án gửi kèm*)

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số / /NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thử nghiệm. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ gửi kèm:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thử nghiệm;
- Đề án mô tả giải pháp thử nghiệm sau điều chỉnh

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú: ... (1) ...: Tên tổ chức đề nghị****... (2) ...: Liệt kê các thay đổi chính.**

8. Thủ tục đề nghị dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm (mã TTHC: 1.013691)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

(i) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP, Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có Đơn đề nghị dừng thử nghiệm gửi Ngân hàng Nhà nước theo Mẫu số 07 Phụ lục I, báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP, kế hoạch dừng thử nghiệm gửi Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có Đơn đề nghị dừng thí nghiệm theo Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2:

(ii) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP, trong thời hạn 25 ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước tiến hành xem xét, đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm.

Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến phối hợp.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ 01 lần. Sau thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, hoàn thiện hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước quyết định việc dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Trường hợp tổ chức có văn bản giải trình, hoàn thiện hồ sơ thì căn cứ quá trình giám sát, theo dõi thử nghiệm và ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan (nếu có), Ngân hàng Nhà nước quyết định việc dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

(ii) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề

ngiht dừng thử nghiệm của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước quyết định việc dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm;

- Cách thức thực hiện:

+ Tru sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Tru tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP:**

+ Đơn đề nghị cấp dừng thử nghiệm theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

+ Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

+ Kế hoạch dừng thử nghiệm.

*** Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP:** Đơn đề nghị dừng thử nghiệm theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời gian giải quyết:

+ Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 94/2025/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn Đề nghị dừng thử nghiệm theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP;

+ Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định số 94/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 07. Đơn đề nghị dừng thử nghiệm

**TÊN TỔ CHỨC
THAM GIA THỬ NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỪNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của ...(1)... thống nhất về việc dừng thử nghiệm;

Căn cứ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ tình hình cung ứng giải pháp thử nghiệm, ...(1)... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cho phép...(1)... dừng thử nghiệm với nội dung cụ thể sau:

- Tên tổ chức: ...(1)...
 - Địa điểm đặt trụ sở chính:
 - Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... được cấp bởi ... ngày tháng ... năm ...
 - Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thời gian tham gia thử nghiệm đối với giải pháp là ... và sẽ kết thúc vào ngày ... tháng ... năm...
- Lý do:*

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Chúng tôi cam kết triển khai, thực hiện các nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ gửi kèm:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thử nghiệm;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị dừng thử nghiệm.

PHỤ LỤC V**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG***(Kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)***TỔ CHỨC THAM GIA
CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI
CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. Các thông số kỹ thuật của thử nghiệm

- Các ưu đãi/hỗ trợ về chính sách đã được hưởng (nếu có);
- Số lượng khách hàng đã tham gia;
- Số lượng khách hàng có sử dụng giải pháp thử nghiệm;
- Số đối tác tham gia triển khai giải pháp thử nghiệm;
- Giá trị và số lượng giao dịch;
- Doanh thu;
- Giá cả (nếu có);
- Lưu lượng dữ liệu hoặc/và các thông số tương tự (nếu có);
- Số lượng hoặc/và quy mô sự cố rủi ro, gian lận phát sinh (bao gồm cả rủi ro về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật);
- Tổng số khiếu nại đã nhận và đã giải quyết;
- Số lượng, quy mô của các sự cố kỹ thuật, sự cố bảo mật;
- Các thông số khác (nếu có, tùy theo đặc thù của dịch vụ thử nghiệm).

II. Bài học rút ra sau thử nghiệm

- Về tổ chức vận hành;
- Về hệ thống kỹ thuật, bảo mật;
- Về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Về bảo vệ khách hàng;
- Về làm việc với đối tác;
- Đánh giá về tính hữu ích, hiệu quả của các ưu đãi/hỗ trợ chính sách đã được hưởng;
- Đánh giá về nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thất bại của hoạt động thử nghiệm (nếu có);
- Các bài học khác.

III. Kế hoạch triển khai tiếp theo**IV. Kiến nghị**

- Với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Với Chính phủ, các bộ ngành khác;
- Các kiến nghị khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

9. Thủ tục đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm (mã TTHC: 1.013692)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP; báo cáo kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2:

Trong vòng *40 ngày* kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm.

Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ 01 lần. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, hoàn thiện hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

+ Bước 3: Căn cứ báo cáo kết quả thử nghiệm (trong đó bao gồm tính hữu ích của giải pháp), tình hình giám sát thực tế và ý kiến góp ý, nhận xét của các bộ liên quan (nếu có), Ngân hàng Nhà nước quyết định việc gia hạn thời gian thử nghiệm hoặc từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP;

+ Báo cáo kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** *40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.*

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định gia hạn thời gian thử nghiệm hoặc Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP;

+ Báo cáo kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định số 94/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 09. Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm

**TÊN TỔ CHỨC
THAM GIA THỬ NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của ...(1)... thống nhất về việc gia hạn thời gian thử nghiệm;

Căn cứ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

...(1)... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét gia hạn thời gian thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

- Tên tổ chức:
- Địa điểm đặt trụ sở chính:
- Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số được cấp bởi ... ngày tháng ... năm ...
- Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thời gian tham gia thử nghiệm đối với giải pháp là năm và sẽ kết thúc vào ngày tháng năm

Căn cứ tình hình cung ứng giải pháp thử nghiệm, ...(1)... đề xuất Ngân hàng Nhà nước gia hạn thời gian thử nghiệm, thời gian gia hạn là:....

Lý do:

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số / /NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thử nghiệm

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm.

PHỤ LỤC V

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ
TÀI CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**
(Kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)
TỔ CHỨC THAM GIA
CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI
CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. Các thông số kỹ thuật của thử nghiệm

- Các ưu đãi/hỗ trợ về chính sách đã được hưởng (nếu có);
- Số lượng khách hàng đã tham gia;
- Số lượng khách hàng có sử dụng giải pháp thử nghiệm;
- Số đối tác tham gia triển khai giải pháp thử nghiệm;
- Giá trị và số lượng giao dịch;
- Doanh thu;
- Giá cả (nếu có);
- Lưu lượng dữ liệu hoặc/và các thông số tương tự (nếu có);
- Số lượng hoặc/và quy mô sự cố rủi ro, gian lận phát sinh (bao gồm cả rủi ro về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật);
- Tổng số khiếu nại đã nhận và đã giải quyết;
- Số lượng, quy mô của các sự cố kỹ thuật, sự cố bảo mật;
- Các thông số khác (nếu có, tùy theo đặc thù của dịch vụ thử nghiệm).

II. Bài học rút ra sau thử nghiệm

- Về tổ chức vận hành;
- Về hệ thống kỹ thuật, bảo mật;
- Về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Về bảo vệ khách hàng;
- Về làm việc với đối tác;
- Đánh giá về tính hữu ích, hiệu quả của các ưu đãi/hỗ trợ chính sách đã được hưởng;
- Đánh giá về nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thất bại của hoạt động thử nghiệm (nếu có);
- Các bài học khác.

III. Kế hoạch triển khai tiếp theo**IV. Kiến nghị**

- Với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Với Chính phủ, các bộ ngành khác;
- Các kiến nghị khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

10. Thủ tục Đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm (mã TTHC: 1.013693)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm gửi Ngân hàng Nhà nước Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP và báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

+ Bước 2: Trong vòng *25 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá quá trình thử nghiệm. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các bộ liên quan; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, các bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ 01 lần. Sau thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

+ Bước 3: Căn cứ báo cáo kết quả thử nghiệm (trong đó bao gồm tính hữu ích của giải pháp), tình hình giám sát thực tế và ý kiến góp ý, nhận xét của các bộ liên quan (nếu có), Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm cho tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc có văn bản từ chối và nêu rõ lý do

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

+ Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** *25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.*

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ).
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm hoặc Văn bản từ chối.
- **Lệ phí:** không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.
 - Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - + Nghị định số 94/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;
 - + *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Mẫu số 11. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm**TÊN TỔ CHỨC
THAM GIA THỬ NGHIỆM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày.... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu hoặc Quyết định của người có thẩm quyền của ...(1)... thống nhất về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm;

Căn cứ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

...(1).. đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

- Tên tổ chức:
- Địa điểm đặt trụ sở chính:
- Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số được cấp bởi ... ngày tháng ... năm ...
- Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thời gian tham gia thử nghiệm đối với giải pháp là năm và sẽ kết thúc vào ngày tháng năm

Căn cứ tình hình cung ứng giải pháp thử nghiệm, ...(1)....đề xuất Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Lý do:

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Hồ sơ gửi kèm:**

- Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thử nghiệm.

Ghi chú: ...(1)...: Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

PHỤ LỤC V**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG***(Kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)***TỔ CHỨC THAM GIA
CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM***....., ngày ... tháng ... năm ...***BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI
CHÍNH (FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. Các thông số kỹ thuật của thử nghiệm

- Các ưu đãi/hỗ trợ về chính sách đã được hưởng (nếu có);
- Số lượng khách hàng đã tham gia;
- Số lượng khách hàng có sử dụng giải pháp thử nghiệm;
- Số đối tác tham gia triển khai giải pháp thử nghiệm;
- Giá trị và số lượng giao dịch;
- Doanh thu;
- Giá cả (nếu có);
- Lưu lượng dữ liệu hoặc/và các thông số tương tự (nếu có);
- Số lượng hoặc/và quy mô sự cố rủi ro, gian lận phát sinh (bao gồm cả rủi ro về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật);
- Tổng số khiếu nại đã nhận và đã giải quyết;
- Số lượng, quy mô của các sự cố kỹ thuật, sự cố bảo mật;
- Các thông số khác (nếu có, tùy theo đặc thù của dịch vụ thử nghiệm).

II. Bài học rút ra sau thử nghiệm

- Về tổ chức vận hành;
- Về hệ thống kỹ thuật, bảo mật;
- Về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Về bảo vệ khách hàng;
- Về làm việc với đối tác;
- Đánh giá về tính hữu ích, hiệu quả của các ưu đãi/hỗ trợ chính sách đã được hưởng;
- Đánh giá về nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thất bại của hoạt động thử nghiệm (nếu có);
- Các bài học khác.

III. Kế hoạch triển khai tiếp theo**IV. Kiến nghị**

- Với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Với Chính phủ, các bộ ngành khác;
- Các kiến nghị khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Khu vực

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Thủ tục chấp thuận cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài để phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro (mã TTHC: 1.010226)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: *Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.*

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài;

+ Bản sao chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tài liệu chứng minh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- Thời hạn giải quyết: *15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.*

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho phép áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài để phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khi đáp ứng điều kiện 03 năm tài chính gần nhất trước thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể hằng năm được xác định theo chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài dự kiến áp dụng không thấp hơn tổng số tiền trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hằng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 86/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái;

+ Thông tư số 37/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

1. Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino) (mã TTHC: 1.000500)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp có nhu cầu thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác gửi 02 (hai) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino.

+ Bước 2: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của bộ hồ sơ và gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước kèm theo ý kiến đánh giá bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về thành phần hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ *Đơn đề nghị cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác;*

+ *Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.*

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh casino.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối), Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác/ Văn bản từ chối

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Phụ lục 01 Thông tư số 10/2017/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh casino;

+ Thông tư số 10/2017/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ
VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC
(Đối với hoạt động kinh doanh casino)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Khu vực...

Căn cứ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino;

Căn cứ Thông tư số .../2017/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ Điểm kinh doanh casino:.....
4. Số điện thoại/Email liên hệ..... Fax:
5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư số ... ngày ...

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino số ... ngày

II. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

Thu, chi (nêu rõ các nhu cầu thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Điều 4 Thông tư số .../2017/TT-NHNN)

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ:

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số .../2017/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino) (mã TTHC: 2.000223)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp gửi 02 (hai) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino.

+ Bước 2: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của bộ hồ sơ và gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo ý kiến đánh giá bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về thành phần hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ *Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác, doanh nghiệp có Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino (Thông tư 10/2017/TT-NHNN);*

+ *Trường hợp đề nghị điều chỉnh Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác, doanh nghiệp có Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-NHNN và văn bản, giấy tờ chứng minh nội dung điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP (nếu có);*

+ *Trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác, doanh nghiệp có Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-NHNN.*

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** doanh nghiệp kinh doanh casino.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối), Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác/ Văn bản từ chối

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Phụ lục 03 Thông tư số 10/2017/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép: Doanh nghiệp được cấp lại Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị mất, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

+ Đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép: Doanh nghiệp được điều chỉnh Giấy phép trong các trường hợp sau: (i) Thay đổi tên doanh nghiệp; (ii) Thay đổi ngân hàng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ; (iii) Thay đổi mức tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt.

+ Đối với trường hợp gia hạn Giấy phép: không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh casino;

+ Thông tư số 10/2017/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục số 03

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP THU, CHI
NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC
(Đối với hoạt động kinh doanh casino)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Khu vực...

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ Điểm kinh doanh casino:.....

Số điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư số...ngày...

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino số ... ngày...

Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác số ... ngày...

(Tên doanh nghiệp) ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác tại Giấy phép đã được cấp:

a)

b)

.....

2. Nội dung xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

3. Lý do xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

(Tên doanh nghiệp)... xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ quy định tại Thông tư số .../2017/TT-NHNN và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Thủ tục chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino) (mã TTHC: 1.000480)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp gửi 02 (hai) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt điểm kinh doanh casino.

+ Bước 2: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của bộ hồ sơ và gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước kèm theo ý kiến đánh giá bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về thành phần hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ *Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép;*

+ *Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;*

+ *Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh casino kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận.*

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh casino.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối), Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (Phụ lục 08 Thông tư số 10/2017/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh casino;

+ Thông tư số 10/2017/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục số 08**TÊN DOANH NGHIỆP**
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ
VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC
(Đối với hoạt động kinh doanh casino)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Khu vực...

Căn cứ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino;

Căn cứ Thông tư số ... /2017/TT-NHNN ngày... tháng...năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh casino.

(Tên doanh nghiệp)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ Điểm kinh doanh casino:.....
4. Số điện thoại/Email liên hệ:..... Số Fax:
5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư số...
ngày ...

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino số ... ngày ... (nếu có)

7. Văn bản chấp thuận hoạt động thu chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác số.... ngày...

II. Các nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt tại văn bản chấp thuận đã được cấp

1.

2.

.....

III. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

Thu, chi (nêu rõ các nhu cầu thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Điều 4 Thông tư số.../2017/TT-NHNN)

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ:

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp)... xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số .../2017/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (mã TTHC: 1.011637)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới thì tổ chức kinh tế hoặc chi nhánh được ủy quyền của tổ chức kinh tế gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ.

+ *Bước 3:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới xem xét và cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (Nghị định số 23/2023/NĐ-CP)

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao giấy tờ chứng minh về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định số 23/2023/NĐ-CP;

+ Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch;

+ Quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi tiền của nước có chung biên giới; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo; biện pháp xử lý khi phát hiện tiền giả, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông;

+ Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm các nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(iii) Quy định đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới chỉ được mua tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) và bán lại số tiền mặt mua được (ngoài số tiền mặt tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (quy định về xác định tỷ giá bán chỉ áp dụng cho đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và quy định của pháp luật; quy định về xử lý vi phạm trong trường hợp đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới vi phạm hợp đồng và quy định pháp luật về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số tiền mặt của nước có chung biên giới mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP)/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 23/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

+ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Mẫu số 01

TỔ CHỨC KINH TẾ
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... (nếu có)

Trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... ký giữa ... (tên tổ chức kinh tế) và ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền);

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực... cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới như sau:

Stt	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		
n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		

Lý do cấp lại: ...

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày....thángnăm....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ
ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC...**

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày... tháng... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../.....

CHỨNG NHẬN

Điều 1.

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../.....

Cơ quan cấp:

Đã đăng ký làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền) trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../..... như sau:

STT	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		
n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ...

Điều 3. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) phải chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
 - (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
 - NHNN chi nhánh ...
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu: NHNN chi nhánh...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

2. Thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (mã TTHC: 1.011639)

- Trình tự:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới thì tổ chức kinh tế hoặc chi nhánh được ủy quyền của tổ chức kinh tế gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới xem xét cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03, cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

* Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại).

* Đối với trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 6c Nghị định số 23/2023/NĐ-CP;

+ Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch và bản sao giấy tờ chứng minh về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định này (đối với trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 6c Nghị định số 23/2023/NĐ-CP).

* Đối với trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền còn hiệu lực;

+ Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới theo Giấy chứng nhận được cấp, trong đó có nội dung đảm bảo đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6a Nghị định số 23/2023/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP)/Văn bản từ chối.

+ Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP)/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP);

+ Đơn đề nghị điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2023/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Không.*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 23/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

TỔ CHỨC KINH TẾ
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Khu vực...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... (nếu có)

Trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../... ký giữa ... (tên tổ chức kinh tế) và ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền);

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Khu vực... cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới như sau:

Stt	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		
n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		

Lý do cấp lại: ...

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC KINH TẾ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN
 ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Khu vực...

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../...

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Khu vực... điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với nội dung như sau:

1.
2.
3.

Lý do điều chỉnh: ...

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày....thángnăm....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ
ĐỐI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
KHU VỰC...**

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày... tháng... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../.....

CHỨNG NHẬN

Điều 1.

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../.....

Cơ quan cấp:

Đã đăng ký làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền) trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../..... như sau:

STT	Tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới	Địa chỉ, số điện thoại	Mức tồn quỹ
1	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 1		
2	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 2		
3	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số 3		
n	Đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số n		

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ...

Điều 3. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, ... (tên tổ chức kinh tế) phải chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và các quy định pháp luật khác có liên quan.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
 - (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
 - NHNN chi nhánh ...
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu: NHNN chi nhánh...

Mẫu số 04

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày....thángnăm....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỔI TIỀN CỦA NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI**

*(Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số...
ngày...,*

*Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung
biên giới lần... số... ngày...)*

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
KHU VỰC...**

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

Xét đề nghị của... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số... ngày .../.../....

CHỨNG NHẬN

Điều 1.

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có) số ... ngày .../.../.....

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../..... đã điều chỉnh/gia hạn đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với các nội dung sau:

1

.....

2

.....

3

.....

Các nội dung khác trong Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số... ngày .../.../..... vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giấy chứng nhận này là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới số ... ngày .../.../..... của Ngân hàng Nhà nước Khu vực ...

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức kinh tế);
- (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền);
- NHNN chi nhánh ...
- (Nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu: NHNN chi nhánh...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

3. Thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (mã TTHC: 1.001811)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí dưới hình thức văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gửi nhà đầu tư. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải nêu rõ lý do và có văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gửi nhà đầu tư.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia;

+ Gửi qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP;

+ *Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của nước tiếp nhận đầu tư;*

+ Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ;

+ Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

+ Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-NHNN/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 132/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

+ Thông tư số 40/2025/TT-NHNN của Thống đốc NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT
ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ... ngày.... ;

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của (Tên nhà đầu tư);

(Tên nhà đầu tư) đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài sốngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư sốngày..... hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư (nếu có).
- Tên Dự án/Tên Hợp đồng BCC/Tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài:
- Địa điểm thực hiện Dự án:
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài: (nếu có)
- Giá trị góp vốn của Nhà đầu tư:....., Trong đó:
- + Bằng tiền:

+ Bảng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): (chi tiết các hình thức góp vốn)

- Tổng số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

+ Thời gian chuyển:

+ Mục đích sử dụng:

+ Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số, mở tại ngày

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư số:

..... mở tại: ngày

2. Số tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
1	Quý....Năm.....									
2	Quý....Năm.....									
.....										

(Chi tiết theo giá trị góp vốn, theo hình thức góp vốn)

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của (Tên nhà đầu tư).

2. (Tên nhà đầu tư) cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định này và Thông tư số/TT-NHNN ngàycủa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các văn bản sửa đổi, bổ sung

4. Thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (mã TTHC: 1.001804)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí dưới hình thức văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gửi nhà đầu tư. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải nêu rõ lý do và có văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gửi nhà đầu tư.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia;

+ Gửi qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP;

+ Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-NHNN/ Văn bản từ chối

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 132/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

+ Thông tư số 40/2025/TT-NHNN của Thống đốc NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 132/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 02**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU
KHÍ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh sốngày..... ;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác về việc thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

(Tên nhà đầu tư) đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ:

1. Tên nhà đầu tư:

2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số ngày

3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí số ngày

(Liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi).

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ:

1. Thay đổi 1 :

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký: ...
- Nội dung đề nghị thay đổi:
- Lý do thay đổi:

2. Thay đổi n: :

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký: ...
- Nội dung đề nghị thay đổi:
- Lý do thay đổi:

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của *(Tên nhà đầu tư)*.

2. *(Tên nhà đầu tư)* cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định này và Thông tư số/TT-NHNN ngày của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này (nếu có) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

.....

NHÀ ĐẦU TƯ

5. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài (mã TTHC: 1.000107)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài nộp hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 34/2025/TT-NHNN, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 13a ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN. Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu có);

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04a ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN;

2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài;

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05a ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ bằng tiếng Việt.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 13a ban hành kèm Thông tư số 34/2025/TT-NHNN)/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài (Phụ lục 04a).

- Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05a ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN

- **Yêu cầu, điều kiện:**

Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm khi có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

+ Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Nghị định 232/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư số 34/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC SỐ 04a

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TẠM NHẬP VÀNG
NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**
(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ...
6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ: ...

7. Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép: Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 và hướng dẫn tại Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, *(tên doanh nghiệp)* đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu *(tính theo Kg)*: ...
2. Loại vàng xin nhập khẩu *(theo Kara)*: ...
3. Cửa khẩu nhập khẩu: ...
4. Thời gian dự định nhập khẩu: ...

8. Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép: Căn cứ Giấy phép số ... ngày ... của NHNN chi nhánh Khu vực ... và nhu cầu sửa đổi, bổ sung Giấy phép số ..., *(tên doanh nghiệp)* đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

(nêu cụ thể nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung)

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)

PHỤ LỤC SỐ 05a

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU,
SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

Từ ... đến ...

STT	Loại vàng (kara)	Khối lượng được cấp phép (kg)	Tồn đầu kỳ		Thực nhập		Sản xuất	Thực xuất		Tồn cuối kỳ	
			Khối lượng (kg)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kg)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kg)	Khối lượng (kg)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kg)	Giá trị (USD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Tổng (I=L.1 + L.2 + L.3 +L.4)	...		...		...			...		...
I.1	Vàng TSMN 24k	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
I.2	Vàng TSMN 18k	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
I.3	Vàng TSMN 14k	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
I.4	Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
II	Tổng (quy vàng 24k)	...	...		...		...	...		...	

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1. Đơn vị gửi báo cáo: Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

2. Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).

3. Đơn vị nhận báo cáo: NHNN chi nhánh Khu vực

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Số liệu của cột (4) và (5) của kỳ này phải bằng số liệu của cột (11) và (12) của kỳ trước liền kề.

- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (mã TTHC: 1.000586)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 34/2025/TT-NHNN và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu có);

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN;

2. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất;

3. Bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ bằng tiếng Việt.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm Thông tư số 34/2025/TT-NHNN)/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (Phụ lục 01 Thông tư số 34/2025/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện:** *Không*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

+ Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Nghị định 232/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư số 34/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

Phụ lục số 01

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Địa điểm sản xuất: ...
4. Điện thoại: ... Email: ...
5. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
7. Vốn điều lệ:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ... xem xét:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp).

- Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp), nội dung cụ thể như sau: ...

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ...;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

7. Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế (mã TTHC: 1.000555)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 3 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nhận hồ sơ.

+ Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN). Trường hợp từ chối chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực;

+ Qua dịch vụ bưu chính;

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 3 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

2. Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền bao gồm những nội dung chính sau: Phương thức chi, trả; mạng lưới chi, trả; tỷ lệ phí hoa hồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức tín dụng;

+ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

+ Tổ chức kinh tế (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam);

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo Phụ lục 10 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)/Văn bản từ chối chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 3 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Không*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TỔ CHỨC KINH TẾ/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

(Tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Trên cơ sở hợp đồng ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ sốngày
ký giữa (tên tổ chức làm đại lý)..... với (tên tổ chức ủy quyền)

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

STT	Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chi nhánh Khu vực... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định.....²,

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số.....ngày.....tháng....năm

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

² Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Được làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho.... (tên tổ chức ủy quyền) theo hợp đồng đại lý số.... tại các địa điểm sau:

STT	Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

Điều 2. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, ...(tổ chức) phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là ... năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh Khu vực....
(nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

8. Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế (mã TTHC: 1.003331)

- Trình tự thực hiện

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ theo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 3 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nhận hồ sơ.

+ Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN). Trường hợp từ chối chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực;
- + Qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

2. Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền còn hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- + Tổ chức tín dụng;
- + Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- + Tổ chức kinh tế (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo Phụ lục 12 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)/Văn bản từ chối chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 5 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Không*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TỔ CHỨC KINH TẾ/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP
NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số cấp ngày:/.....

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

- 1.....
....
- 2.....
....
- 3.....
....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chi nhánh Khu vực... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... , ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

(Quyết định chấp thuận lần đầu số.....ngày....., Quyết định chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn lần... số... ngày...)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định.....³,

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số.....ngày.....tháng....năm...

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1.**

³ Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Quyết định chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số....cấp ngày:/.....

đã đăng ký thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....

....

2.....

....

3.....

....

Các nội dung khác trong Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số....ngày....của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....

Nơi nhận:

- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh Khu vực....
- (nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (mã TTHC: 1.000526)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đối ngoại tệ.

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 3 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nhận hồ sơ.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Qua dịch vụ bưu chính;

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN);

2. Văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đối ngoại tệ tại địa điểm theo quy định của Chính phủ về Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ; cam kết của tổ chức kinh tế về việc chỉ làm đại lý đối ngoại tệ cho một tổ chức tín dụng được phép;

3. Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đối ngoại tệ tại nơi giao dịch;

4. Quy trình nghiệp vụ đối ngoại tệ bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đối ngoại tệ; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo;

5. Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại cần liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi ngoại tệ;

(iii) Quy định đại lý đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) và bán lại số ngoại tệ tiền mặt đổi được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (đối với đại lý đặt ở các khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi ngoại tệ phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và các quy định của pháp luật;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số ngoại tệ tiền mặt mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)/văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Không*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ;

+ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 1

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký giữa ... (Tên tổ chức kinh tế) và ... (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền):

số ... ngày .../.../...

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ cho ... (Tên tổ chức kinh tế) tại các địa điểm sau:

1. Đại lý đối ngoại tệ số 1: địa chỉ, điện thoại
2. Đại lý đối ngoại tệ số 2: địa chỉ, điện thoại
3. Đại lý đối ngoại tệ số n: địa chỉ, điện thoại

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 2

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Chi nhánh Khu vực...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**
CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế Đại lý đối ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định⁴

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số... ngày.../.../...

CHỨNG NHẬN**Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

⁴ Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

đã đăng ký làm đại lý đổi ngoại tệ cho ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền) tại các địa điểm sau:

STT	Tên đại lý đổi ngoại tệ	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Đại lý đổi ngoại tệ số 1		
2	Đại lý đổi ngoại tệ số 2		
3	Đại lý đổi ngoại tệ số 3		
n	Đại lý đổi ngoại tệ số n		

Điều 2. Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, ... (tên tổ chức kinh tế) phải chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành về đại lý đổi ngoại tệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức kinh tế;
 - Tên tổ chức tín dụng ủy quyền;
 - NHNN chi nhánh Khu vực....
- (nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

10. Thủ tục chấp thuận, chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế (mã TTHC: 1.003338)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu chấp thuận, chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 3 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nhận hồ sơ.

+ Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 75/2025/TT-NHNN). Trường hợp từ chối chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Qua dịch vụ bưu chính;

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ **Đối với trường hợp chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

1. Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN).

2. Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ, người đại diện và tư cách pháp nhân của các bên;

(ii) Số tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của trụ sở chính tổ chức kinh tế;

(iii) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

(iv) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam (nếu có);

(v) Phí hoa hồng được hưởng;

(vi) Các thỏa thuận khác (về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thời hạn của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh và các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật);

d) Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

- (i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;
- (ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;
- (iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

đ) Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

+ Đối với trường hợp chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế

1. Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo Phụ lục 5 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 75/2025/TT-NHNN.

2. Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung.

+ Đối với trường hợp gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế

1. Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo Phụ lục 5 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN.

2. Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực.

3. Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau: (i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến; (ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ; (iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam)

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc chấp thuận, chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo Phụ lục 8, Phụ lục 12 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN/ Văn bản từ chối chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- Tên mẫu đơn:

+ Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 1 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025).

+ Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu Phụ lục 5 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 75/2025/TT-NHNN)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: *Không*

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Căn cứ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.*

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

(Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ngày tháng năm ... ký giữa (tên tổ chức kinh tế)..... và (tên đối tác nước ngoài) để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.... xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

1. Trụ sở chính:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	...	

2. Địa điểm chi trả số...:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	...	

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TỔ CHỨC KINH TẾ/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP
NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số cấp ngày:/.....

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1.....
....

2.....

....

3.....

....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Chi nhánh Khu vực...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-... .., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định⁵

Xét đề nghị của (tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....

QUYẾT ĐỊNH:**1. Điều 1**

Cho phép.....(tổ chức kinh tế)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

⁵ Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

được trực tiếp thực hiện dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài từ nước ngoài chuyển về để chi, trả cho người thụ hưởng ở trong nước theo các nội dung sau:

a) Địa điểm thực hiện hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ:

	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

b) Đối tác nước ngoài: (ghi cụ thể từng đối tác; số, ngày của hợp đồng)

c) Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

c.1. Trụ sở chính:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...		

c.2. Địa điểm chi trả....:

Tên ngân hàng mở tài khoản:

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	

...		
-----	------	--

Điều 2. (Tổ chức kinh tế)... phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, các quy định pháp luật có liên quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là ... năm kể từ ngày ký.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức kinh tế;
- NHNN chi nhánh Khu vực....
(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chi nhánh Khu vực... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... , ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

(Quyết định chấp thuận lần đầu số.....ngày....., Quyết định chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn lần... số... ngày...)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định.....⁶,

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số.....ngày.....tháng.....năm...

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1.**

Tên tổ chức:

⁶ Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Quyết định chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số....cấp ngày:/.....

đã đăng ký thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....

....

2.....

....

3.....

....

Các nội dung khác trong Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số....ngày....của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....

Nơi nhận:

- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh Khu vực....
(nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên & đóng dấu)